TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 7 - 2024.
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quế Hương.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Du.
Ông Nguyễn Văn Móm Em.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Minh Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2024/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1987 (vắng có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T1 và chị L do quen biết rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long ngày 14 tháng 4 năm 2015.

Sau ngày cưới thì anh T1 và chị L sống chung với gia đình cha mẹ ruột của anh T1 tại ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh, chị thường hay cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc

sống, tình cảm dành cho nhau dần phai nhạt. Anh T1 và chị L đã sống ly thân nhau từ tháng 12/2022 cho đến nay.

Nay anh T1 nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc nên anh T1 yêu cầu được ly hôn với chị L.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Quỳnh Thanh T2, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2016 và Nguyễn Quỳnh Thanh T3, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2022. Cháu Thanh T2 có nguyện vọng muốn sống chung với anh T1. Sau khi ly hôn anh T1 yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu Thanh T2 và Thanh T3; anh T1 không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi 02 cháu Thanh T2 và Thanh T3.

- Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Anh Tuấn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Chị Nguyễn Thị L đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng chị L không đến Tòa án để tham gia tố tụng và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án nên không có lời trình bày.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long có ý kiến:* về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp pháp luật.

Hướng giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Mâu thuẫn giữa anh T1 và chị L đã trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử cho anh T1 được ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh T1 và chị L có 02 người con chung tên Nguyễn Quỳnh Thanh T2, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2016 và Nguyễn Quỳnh Thanh T3, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2022. Cháu Thanh T2 có nguyện vọng muốn sống chung với anh T1; Hiện nay cả 02 cháu Thanh T2 và Thanh T3 đang sống chung với anh T1 và đang phát triển rất tốt nên để đảm bảo điều kiện phát triển cho 02 cháu Thanh T2 và Thanh T3 đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 cháu Thanh T2 và Thanh T3 cho anh T1 được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T1 không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi giao 02 cháu Thanh T2 và Thanh T3 nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Anh T1 không có yêu cầu giải quyết, chị L vắng mặt không có ý kiến nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh T1 phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Nguyễn Văn T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa anh và chị Nguyễn Thị L. Căn cứ quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[2] Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; bị đơn chị Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T và chị L.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh T1 và chị L do quen biết rồi đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2015 ngày 14 tháng 4 năm 2015 nên hôn nhân giữa anh, chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Xét thấy, anh T1 và chị L đã có nhiều mâu thuẫn xảy ra trong cuộc sống hôn nhân; anh, chị đã sống ly thân trong thời gian dài mà không thể hàn gắn đoàn tụ, đã cho thấy hôn nhân giữa anh T1 và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T1 là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung:* Anh T1 và chị L có 02 người con chung tên Nguyễn Quỳnh Thanh T2, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2016 và Nguyễn Quỳnh Thanh T3, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2022. Cháu Thanh T2 có nguyện vọng muốn sống chung với anh T1; Hiện nay cả 02 cháu Thanh T2 và Thanh T3 đang sống chung với anh T1 và đang phát triển rất tốt. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường cho 02 cháu Thanh T2 và Thanh T3 cần tiếp tục giao 02 cháu Thanh T2 và Thanh T3 cho anh T1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Anh T1 không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên chị L không phải cấp dưỡng nuôi 02 cháu Thanh T2 và Thanh T3.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả:* Anh Tuấn không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị L vắng mặt không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét đề nghị của vị Kiểm sát viên là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Buộc anh T1 phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**** Tuyên xử:*** *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cho anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị L.

- *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Quỳnh Thanh T2, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2016 và cháu Nguyễn Quỳnh Thanh T3, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2022 cho anh Nguyễn Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Quỳnh Thanh T2 và cháu Nguyễn Quỳnh Thanh T3.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- *Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả*: Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Nguyễn Thị L vắng mặt không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí sơ thẩm*:

Buộc anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0} 0008737 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Vũng Liêm. Anh Nguyễn Văn T đã nộp đủ không phải nộp thêm.

Chị Nguyễn Thị L không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Tn;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Quế Hương